

Số: 59/TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 6 năm 2018

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020**

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
<b>ĐẾN</b>	Số: ..... 6200 .....
	Ngày: 25/6/18 .....
	Chuyển: .....

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Căn cứ pháp lý**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2015 - 2020);

Căn cứ Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Kết luận số 30 - KL/TU ngày 26/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3 khóa XIX về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015 - 2020;

Công văn số 1437 - CV/TU ngày 30/12/2016 của Thường trực Tỉnh uỷ về việc tập trung thực hiện một số nhiệm vụ đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới;

Kết luận số 604-KL/TU ngày 02/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2020;

- Công văn số 160/HĐND-KTNS ngày 31/5/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi V/v chấp thuận xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng Nhân dân tỉnh.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Qua hơn 3 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020 (sau đây gọi tắt là Đề án), bước đầu Đề án đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận: sản xuất tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế ngành có sự chuyển dịch theo hướng tích cực; bước đầu hình thành vùng sản xuất tập trung theo hướng sản xuất hàng hoá; giá trị thu hoạch bình quân trên một ha tăng, nhiều chỉ tiêu quan trọng đạt ở mức cao so chỉ tiêu Đề án đã đề ra.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, Đề án có những bất cập cần được điều chỉnh, bổ sung kịp thời, cụ thể là:

- Đề án được nghiên cứu xây dựng trong bối cảnh trước khi diễn ra Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2015 - 2020), một số chỉ tiêu chưa sát với nội dung Nghị quyết của Đại hội. Đề án được xây dựng có quá nhiều mục tiêu, lĩnh vực nên còn mang tính dàn trải, thiếu nguồn lực để đầu tư cho Đề án dẫn đến khó có khả năng hoàn thành các mục tiêu của Đề án đề ra. Mặt khác, Đề án chưa đề cập nhiều đến phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững.

- Đề án trước đây tuy có đề cập nhưng chưa cụ thể về xây dựng các dự án, các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho nông sản, nhất là các sản phẩm hàng hóa chủ lực.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, Trung ương đã ban hành một số chương trình, kế hoạch liên quan đến cơ cấu lại ngành nông nghiệp như: Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống

giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư (*Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017*); Bộ Tiêu chí giám sát, đánh giá về cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2020 (*theo Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 19/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ*) và Kế hoạch triển khai thực hiện Bộ Tiêu chí giám sát đánh giá cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2020 (*theo Quyết định số 3449/QĐ-BNN-KH ngày 21/8/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

Từ những bất cập nêu trên, việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020 nhằm khắc phục những tồn tại, khó khăn, đáp ứng được yêu cầu thực tế trong tình hình mới là hết sức cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Bổ sung, điều chỉnh Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020 cho phù hợp với các chỉ tiêu của Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2015 - 2020), phù hợp với các quy định mới của Trung ương và yêu cầu thực tế về phát triển nông nghiệp trong tình hình mới.

### **2. Quan điểm chỉ đạo**

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm đảm bảo cho việc tổ chức, triển khai thực hiện Đề án phù hợp với các chỉ tiêu của Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2015 - 2020), phù hợp với các quy định mới của Trung ương và yêu cầu về phát triển nông nghiệp trong tình hình mới.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Công văn số 1437-CV/TU ngày 30/12/2016, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết.

Sau khi xây dựng hoàn thành nội dung dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, địa phương có liên quan bằng văn bản. Sau khi tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan, ngày 12/01/2018, UBND tỉnh đã chủ trì họp nghe, cho ý kiến nội dung điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp và đã báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 100/BC-STP ngày 20/6/2018, cơ quan chủ trì soạn thảo đã hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị quyết để trình HĐND tỉnh tại kỳ họp này.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Bố cục**

Bố cục của dự thảo Nghị quyết gồm có 3 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Hiệu lực thi hành

##### **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020 như sau:

1. Một số chỉ tiêu tại điểm b Khoản 1, Điều 1 được sửa đổi như sau:

Phần đầu đạt giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất canh tác cây ngắn ngày đến năm 2020 đạt trên 85 triệu đồng/ha.

Giữ ổn định sản lượng khai thác thủy sản ở mức 206 nghìn tấn/năm;

Phần đầu đến năm 2020 tỷ lệ dân cư nông thôn dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 95%.

2. Điểm b Khoản 1, Điều 1 được bổ sung chỉ tiêu sau:

Có trên 50% dân cư nông thôn sử dụng nước sạch.

3. Điểm c Khoản 1 Điều 1 (trên gạch đầu dòng thứ nhất) được bổ sung như sau:

- Cơ cấu lại theo lĩnh vực sản phẩm:

+ Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia: là thịt lợn, thịt gia cầm, tôm nuôi, gỗ nguyên liệu chế biến sâu (sản phẩm sau dăm gỗ, ván ghép thanh...)

+ Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh: tập trung vào nhóm sản phẩm chủ lực, có khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn như: mía, mì, ngô, lúa chất lượng cao, lúa hữu cơ, tỏi Lý Sơn, quế Trà Bồng, rau an toàn, bò thịt, trâu thịt miền núi,....

+ Nhóm sản phẩm là đặc sản địa phương: Chè Minh Long, kẹo gương, đường phèn, đường phôi, ớt xiêm rừng, rau dớn, cá niên, heo ki, cá bông Sông Trà, gà H're và các sản phẩm đặc sản khác của từng địa phương.

- Cơ cấu lại nông nghiệp theo vùng:

+ Khu vực miền núi: Bảo vệ tốt rừng tự nhiên, rừng phòng hộ đầu nguồn, phát triển mạnh rừng gỗ lớn và phát triển các lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng như: Sa nhân tím, sâm cau, song mây, ớt xiêm, khô qua rừng, rau dớn ... Tập trung phát triển vùng nguyên liệu (mía, mì, gỗ lớn), phát triển trâu thịt, phục tráng giống và phát triển các loại vật nuôi đặc sản, bản địa (heo ki, heo Kiêng sắt, gà H're...) cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh. Phát triển nuôi thủy sản ở các hồ thủy lợi, thủy điện và trên các sông, suối với các đối tượng nuôi truyền thống (cá trắm cỏ, rô phi, cá lóc,...) gắn với bảo tồn, tái tạo và phát triển đa dạng nguồn lợi thủy sản.

+ Khu vực đồng bằng: Chuyển đổi mạnh cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng cận có giá trị kinh tế cao; xây dựng cánh đồng lớn, tích tụ ruộng đất để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực: sản xuất lúa chất lượng cao, lúa hữu cơ; phát triển vùng rau an toàn, cây ăn quả. Phát triển các sản phẩm nông nghiệp đặc sản gắn với xây dựng thương hiệu của từng sản phẩm theo lợi thế của địa phương. Phát triển chăn nuôi tập trung ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị, xây dựng các cơ sở giống chất lượng cao, vùng sản xuất chăn nuôi an toàn dịch bệnh và an toàn thực phẩm.

+ Vùng ven biển: Phát triển nuôi thủy sản nước lợ ở khu vực cửa sông, cửa biển; nuôi thủy sản thâm canh, ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học vùng ven biển. Các đối tượng nuôi chủ lực là tôm chân trắng, tôm sú, phát triển các đối tượng thủy sản có tiềm năng như hải sâm ở xã Phò Thạnh, ốc hương, cá mú, cá vược, cua, rong biển, vệt biển Đại Xuyên 15, ... gắn với bảo vệ tốt môi trường nuôi thủy sản. Ưu tiên vốn để đầu tư, nâng cấp các cơ sở hạ tầng thủy sản, nhất là các cảng cá và cơ sở hậu cần nghề cá để nâng cao chất lượng dịch vụ và tránh trú bão cho tàu thuyền. Thực hiện có hiệu quả các dự án trồng rừng ngập mặn ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Vùng hải đảo: Phát triển cây tỏi Lý Sơn gắn với phát triển du lịch sinh thái. Đầu tư phát triển nuôi thủy sản thâm canh và công nghệ cao gắn với bảo vệ môi trường sinh thái (tôm hùm, cá mú, cá bớp, cá hồng, hào Thái Bình Dương...). Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao ở vùng biển Lý Sơn; chú trọng công tác tái tạo nguồn lợi thủy sản cho Khu Bảo tồn biển Lý Sơn với các đối tượng như: Hải sâm, bào ngư, trai tai tượng khổng lồ, nhum (câu gai), cua Huỳnh đế,...

- Cơ cấu lại theo các lĩnh vực sản xuất:

+ Tái cơ cấu trồng trọt:

Nhóm cây nguyên liệu cho công nghiệp chế biến: tập trung đầu tư phát

triển vùng nguyên liệu: cây mì, cây mía để cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến trên địa bàn tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững

Nhóm cây đặc sản: Tập trung phát triển thương hiệu cây tỏi Lý Sơn, cây quế Trà Bồng thành hàng hóa đặc sản chủ lực, sản phẩm đa dạng, phong phú hấp dẫn thị trường trong nước và thế giới, tạo ra giá trị gia tăng cao.

+ Tái cơ cấu chăn nuôi: Chú trọng phát triển chăn nuôi bò thịt ở đồng bằng, chăn nuôi trâu theo hướng thịt ở miền núi. Chú trọng phát triển đàn lợn theo hướng nạc và chăn nuôi gia cầm theo hướng an toàn sinh học để cung cấp sản phẩm cho nhu cầu tiêu dùng trên địa bàn tỉnh và trong nước. Ưu tiên phát triển chăn nuôi ở quy mô trang trại, gia trại; hạn chế chăn nuôi nhỏ lẻ ở nông hộ, gắn với đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Tái cơ cấu lâm nghiệp: Chú trọng trồng cây gỗ lớn (cây bản địa) trên cơ sở bố trí cơ cấu lại tỷ lệ các loại cây trồng một cách hợp lý để nâng cao giá trị gia tăng, đảm bảo tính đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái của rừng; đẩy mạnh phát triển trồng rừng sản xuất thành một ngành kinh tế có vị thế quan trọng đem lại việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân làm nghề rừng.

+ Tái cơ cấu thủy sản: Giảm khai thác ven bờ, đẩy mạnh khai thác xa bờ đối với các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; xác định sản phẩm chính của khai thác biển là cá biển và sản phẩm chính nuôi trồng là con tôm. Tăng sản lượng khai thác phải đồng bộ với tăng các dịch vụ hậu cần nghề cá và chế biến tiêu thụ.

+ Phát triển công nghiệp chế biến, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm: định hướng phát triển chế biến sâu, nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO, HACCP, GMP...) kết hợp với các biện pháp về tổ chức sản xuất, tiêu thụ hàng hóa nhằm nâng cao giá trị gia tăng nông, lâm, thủy sản.

#### 4. Điểm a Khoản 2 Điều 1 bổ sung như sau:

Tại dấu cộng đầu tiên của gạch đầu dòng thứ 3 từ trên xuống- dưới đoạn: Cây lúa:

Xây dựng vùng sản xuất lúa giống: đảm bảo đáp ứng khoảng 90% nhu cầu lúa giống/năm phục vụ sản xuất trong tỉnh và đảm bảo nguồn giống dự phòng khi có thiên tai. Xây dựng vùng sản xuất lúa gạo hữu cơ, lúa chất lượng cao.

Tại dấu cộng thứ 2 của gạch đầu dòng thứ 3 từ trên xuống - dưới đoạn: Cây thực phẩm:

Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn đạt chứng nhận VietGAP; xây dựng vùng sản xuất cây ăn quả an toàn gắn với xây dựng VietGAP huyện Nghĩa Hành.

Xây dựng thương hiệu mới cho các sản phẩm có giá trị kinh tế cao như: hành tím (Lý Sơn, Bình Hải), cây ăn quả an toàn (huyện Nghĩa Hành) và các sản phẩm khác có đủ điều kiện.

5. Điểm b Khoản 2 Điều 1 (dưới dấu cộng thứ 2 của gạch đầu dòng thứ nhất) bổ sung như sau:

Từng bước xây dựng thương hiệu các sản phẩm: Trâu Ba Tư, bò Quảng Ngãi, heo ki, heo Kiềng Sắt, gà H're... có thể truy xuất nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

6. Điểm c Khoản 2 Điều 1 được sửa đổi như sau:

- Đối với rừng phòng hộ: định hướng đến năm 2020 có 126.175 ha. Bảo vệ tốt diện tích rừng phòng hộ hiện có; *phấn đấu mỗi năm trồng mới khoảng 200 ha*. Quy hoạch 02 khu bảo tồn thiên nhiên gồm: Khu dự trữ thiên nhiên khu Tây huyện Ba Tư diện tích quy hoạch là 19.990 ha và Khu dự trữ thiên nhiên Khu Tây huyện Trà Bồng diện tích quy hoạch là 2.330 ha; nhân rộng mô hình quản lý rừng cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

- Đối với rừng sản xuất: định hướng đến năm 2020 có 161.284 ha rừng sản xuất. Sản phẩm chính là cây gỗ lớn để cung cấp nguyên liệu cho dân dụng và xuất khẩu. Mỗi năm khai thác và trồng lại khoảng 9.500 ha với trữ lượng gỗ lớn 150m<sup>3</sup>/ha, chu kỳ bình quân 12 năm và gỗ nhỏ 70 m<sup>3</sup>/ha, chu kỳ bình quân 7 năm. *Đến năm 2020, tỷ lệ giống cây trồng lâm nghiệp được kiểm soát về chất lượng đưa vào trồng rừng đạt 60-70%*, năng suất rừng trồng tăng lên 20%. Quy hoạch vùng nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030 với diện tích khoảng 2.000 ha với các loại cây trồng chính là cây Keo và các loại cây bản địa (sao, dầu, lim...)

7. Điểm d Khoản 2 Điều 1 được sửa đổi như sau:

- Khai thác thủy sản: Đến năm 2020, sản lượng khai thác đạt trên 206.000 tấn/năm. Tổng số tàu thuyền khai thác đến năm 2020 giảm còn khoảng 5.300 chiếc với tổng công suất tàu cá đạt 1.600.000 CV; giảm dần tàu cá có công suất nhỏ dưới 90 CV đang khai thác ven bờ, tăng dần tàu có công suất 400CV trở lên có khả năng đánh bắt xa bờ. Giảm tỷ lệ nghề lưới kéo tầng đáy xuống 25%, tăng nghề rê khơi lên 30%; tăng nghề câu lên 18%; tăng nghề lưới vây lên 13%.

- Nuôi trồng thủy sản: Phấn đấu đến năm 2020, diện tích nuôi thủy sản đạt 2.350 ha, trong đó nuôi nước lợ khoảng 850 ha, nuôi biển 150 bè (khoảng 2.000 lồng), nuôi nước ngọt khoảng 1.500 ha. Sản lượng nuôi thủy sản đạt khoảng 10.000 tấn, trong đó nuôi tôm nước lợ 6.300 tấn, cá nước ngọt khoảng 2.000 tấn, nuôi biển 100 tấn, thủy sản khác 900 tấn... Đối tượng nuôi nước lợ chủ yếu là tôm thẻ chân trắng, cua, tôm sú... nuôi trên biển chủ yếu là tôm hùm,, cá mú, cá bớp, cá chim vây vàng..., nuôi nước ngọt chủ yếu là cá rô phi đơn tính.

8. Điểm đ Khoản 2 Điều 1 được sửa đổi như sau:

Đến năm 2020, ổn định diện tích sản xuất muối 114,7 ha; ; sản lượng đạt 11.000 tấn, trong đó, diện tích sản xuất muối sạch theo hướng công nghiệp 51,55 ha, sản lượng đạt 6.000 tấn.

9. Điểm đ Khoản 2 Điều 1 được bổ sung như sau:

Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, chế biến, bảo quản muối; nâng cao năng lực sản xuất của Hợp tác xã muối Sa Huỳnh; đào tạo chuyên đổi nghề cho lao động nghề muối có thu nhập thấp; xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại sản phẩm muối Sa Huỳnh.

10. Điểm e Khoản 2 Điều 1 (dấu cộng (+) thứ tư của gạch đầu hàng thứ nhất) được bổ sung như sau:

+ Chế biến thủy sản:

Phấn đấu đến năm 2020 chế biến thủy sản đạt khoảng 23 ngàn tấn sản phẩm, giá trị xuất khẩu đạt 30 triệu USD.

11. Điểm d Khoản 3 Điều 1 (đoạn cuối gạch đầu dòng thứ 2) được bổ sung như sau:

Đến năm 2020, tập trung đầu tư xây dựng cơ bản hoàn chỉnh hệ thống các khu neo đậu tránh trú bão bão cho tàu cá, các cảng cá, các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá tại các vùng cửa biển với tổng công suất 3.300 tàu, bình quân 400 CV/tàu.

12. Điểm k Khoản 3 Điều 1 được sửa đổi như sau:

Bỏ cụm từ: 'khung hưởng lợi và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp' (vì Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 9/6/2015 về Quy chế quản lý rừng phòng hộ và Quyết định số 49/2016/QĐ-TTg ngày 01/11/2016 về Ban hành Quy chế quản lý rừng sản xuất).

13. Điểm k Khoản 3 Điều 1 được bổ sung như sau:

Xây dựng chính sách: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp từ khai thác thủy sản ven bờ, nghề lưới kéo, nghề lặn sang ngành nghề, dịch vụ khác.

14. Điểm l Khoản 3 Điều 1 được sửa đổi như sau:

Tổng nhu cầu vốn bổ sung để thực hiện Đề án khoảng 3.164 tỷ đồng (không kể khái toán tổng nhu cầu vốn để thực hiện Đề án khoảng 8 ngàn tỷ đồng đã được quy định tại điểm l, Khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 9 xem xét, quyết nghị (Kèm theo dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo



*hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020).*./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Nông nghiệp và PTNT;
- VPUB: CVP, PCVP, CB-TH;
- Lưu: VT, NNTN (Vũ 381).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI



Nguyễn Tăng Bính